

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 3 (Phần đầu)

Tiếp là từ “Lúc bấy giờ v.v...” trở xuống là phần Chánh tông của đoạn lớn, như sau:

- Chỉ bày chung về Văn nghĩa, có hai:

Một là chỉ bày về sự khởi diệt của văn kinh. Toàn bộ ba phẩm là Sám hối, Tán thán, Không, cùng với nửa phẩm Thọ lượng này đều là Chính thuyết.

Hai là “Thông thường, ba v.v...” trở xuống là giải thích về nghĩa lớn của ba chương, lại có:

- Nói về Sư khác, có hai:

Một là trình bày.

Hai là “Tiếp theo là v.v...” trở xuống là Phá chương an: Vì bản này không chép rằng Sư và Thiên Thai nên biết là sự phá riêng. “Không tuy là Trung” tức là ở giai đoạn nhân, dùng Trung để phá chấp. Và lại, cũng không phải thể của Trung được làm sáng tỏ về mặt quả. Tuy pháp không giống nhau nhưng Dụng làm sáng tỏ sự khác nhau của nghĩa. Vì các vị xưa không hiểu được điều này nên nay không dùng.

Kế là “Tam tạng v.v...” trở xuống là nói về Chân-đế, có hai:

Một là nói về “Hư không v.v...” Phẩm Phân Biệt ba thân của bản dịch mới chép: “Bồ-tát Hư Không Tạng bạch Phật: Làm sao các vị Bồ-tát đối với kho bí mật sâu xa của Như Lai mà đúng như pháp tu hành”. Chỉ vào câu ấy mà làm tựa.

Hai là “Trực tiếp là v.v...” trở xuống là Phá Chương An: Mỗi tiết của các kinh đều có sự phát khởi câu hỏi, lẽ nào tất cả các tiết ấy đều gọi là Tự? Vì thế nên nói là “Nghĩa yếu”.

Kế là “Sư nói rằng v.v...” trở xuống là sự bỏ và lấy của Sư ngày nay. Tuy Bồ-tát Hư Không Tạng kia y theo nhân để hỏi nhưng Đức Phật liền đáp rằng “Tất cả các Đức Như Lai đều có ba thân” thì lẽ nào lại chẳng phải là nghĩa của quả. Vì vậy, Sư ngày nay bỏ ba tạng mà lấy nhà

đầu tiên. Có thể biết đối với vị sư tiếp theo.

Kế là “Mới cũ v.v...” trở xuống là nói về ý của ngày nay, lại có:
- Y theo bản dịch mới để nói về tông thể, có ba:

Một là bốn Đức Phật nói về Tích để làm sáng tỏ Bốn, quét sự nghi của Ngấn đối với tám mươi. Nói về Ứng của Dài như số giọt nước biển. Đã nghe nói rằng Ứng hóa có Dài và Ngấn thì tất nhiên sẽ biết rõ sự phi sinh diệt của Pháp và Báo. Bốn và Tích đã dung nhiếp nhau thì sự nghi bần liền dứt bật. Bậc Thượng căn chỉ nghe về Tích của ba thân thì cũng ngộ được cội nguồn. Đây là tương đương với vòng thứ nhất.

Hai là “Nếu chưa v.v...” trở xuống là Vương tử thị hiện Bốn để giúp cho người nghe tỏ ngộ về Tích. Trong phẩm Thọ Lượng của bản dịch mới, lúc bốn vị Phật nói xong về vấn đề tuổi thọ làm lợi cho chúng sinh rồi, có Bà-la-môn Kiều-trần-như vì muốn sinh lên cõi trời nên cầu xá-lợi của Phật như hạt cải, hạt lúa. Vương tử Lê-xa-tỳ nói kệ đáp rằng: “Dù cho gót chân của muỗi và ve có thể làm thành và lâu thì thân vắng lặng của Như Lai cũng không có việc gọi là xá-lợi, sừng thỏ làm thang leo, từ đất được lên cõi trời. Nghĩ sai về xá-lợi Phật thì công đức không có. Chuột leo lên thang sừng thỏ, Ăn mặt trăng trừ Tu-la. Nướng xá-lợi để dứt hết hoặc. Giải thoát là không có”. Người Trung căn trực tiếp nghe về lý của Pháp thân vốn không sinh diệt thì liền ngộ Báo ứng có khả năng Thường hoặc Vô thường. Lý và Sự đã dung thông thì nghĩ bần liền dứt bật. Đây tương đương với vòng thứ hai.

Kế là “Nếu chưa v.v...” trở xuống là Đức Phật Thích-ca hai lần luận bàn để cho tất cả đều hiểu biết. Hạ căn đã chặm lụt nên nếu bàn luận có tính cách nghiêng về Bốn và Tích đi nữa thì họ cũng không thể tri giải về ý của tính chất dung nhiếp lẫn nhau. Vì lẽ đó, Đức Thích-ca mới giảng nói đầy đủ về ba thân là Pháp thân, Ứng thân, và Hóa thân. Như dựa vào bầu trời mà có điện, dựa vào điện mà có ánh sáng. Pháp thân là Lý. Ứng thân là trí. Trí đã ứng với Lý thì liền sinh khởi hóa thân. Ba thân thâm khế hợp làm một nhưng một cũng không chắc chắn là một, nên ba thân vốn rất linh động. Cho nên phẩm Tựa Đề là Phân biệt ba thân. Pháp và Ứng là Bốn. Hóa thân là Tích. Một thời mà đều nói về cả ba thì sẽ sinh ra sự hiểu biết vượt hơn. Cố nhiên là tính chất nghĩ bần sẽ dứt bật. Ở đây tương đương với vòng thứ ba. Ba phen này đều nói về Tông thường hằng của Như Lai để làm sáng tỏ thể tánh. Ý của việc nói ấy là làm cho người nghe phát trí, chứng lý.

Kế là “Phẩm Hối v.v...” trở xuống là phán định rằng cả ba phẩm đều giải thích rõ về Dụng. Tông của Phật trí làm sáng tỏ Thể của Pháp

tánh. Đó được gọi là Tông của Kinh, Thể của Kinh. Tất cả chúng sinh đều lấy Tông và Thể này làm tâm của mình. Nếu sám hối, khen ngợi, tu tập về hai thứ Không thì nhờ đó mà diệu dụng của Phật sẽ sinh khởi toàn thể, khiến cho chúng sinh này diệt điều ác sinh ra điều lành và phát khởi dụng của Không mà dẫn thành hai thứ dụng. Cho nên nói là “Cả ba phẩm đều là Dụng của kinh”.

Kế là “Nay v.v...” trở xuống là giải thích về việc bản kinh này lược bỏ hai phen. Vì hai phen đều làm sáng tỏ về ba thân nên chẳng khác với điều được làm sáng tỏ bởi một phen này của hôm nay. Vì thế, Sư Đàm-vô-sám thuận với sở thích mà lược bỏ Cơ, không dịch hai phẩm sau.

“Văn là v.v...” trở xuống là chia văn để giải thích, như sau:

- Văn, có hai:

Một là chia văn.

Hai là Giải thích, gồm có:

- Bốn Đức Phật nói về Dụng, có hai:

- Phân biệt về thân và thuyết, có hai:

Một là hỏi.

Hai là đáp, có hai:

Một là Giải thích về thuyết: bốn tướng xứng với Cơ nghi. Chung và Riêng không tồn tại.

Hai là “Thấy cũng v.v...” trở xuống là giải thích về thân: Giải thích tựa đề, phán giáo rằng kinh này thuộc Thông. Giáo lý này nói rằng thân Phật cao một trượng sáu. Thân tôn đặc chỉ có một mà thấy khác nhau. Cho nên gọi là thân phối hợp. Nay, trong thất này có chúng của cả ba thừa. Trong ba thừa, Bồ-tát lợi căn quán sâu về Không, thấy được lý Bất không. “Lý Bất không”: Tức là chúng sinh và Phật có cùng một tánh giác. Vì vậy, tuy rằng thấy Phật nhưng Phật không đến từ bên ngoài, tùy Đại tùy Tiểu đều không có bờ mé. Cho nên nói: “Bốn Đức Phật đều có cùng thân tôn đặc. Sự ứng dụng của thân và trí là một, là thường hằng”. Lẽ nào chỉ có chư Phật mới là không hai, không khác nhau? Ngay cả với các vị đệ tử của Phật cũng không khác nhau. Vì vậy nên nói “Chúng (là) một”. Tuy chưa khai mở, phế bỏ nhưng người căn tánh lanh lợi thì thấy giống nhau. Nếu là Bồ-tát độn căn và người Nhị thừa thì chỉ thấy Không. Đó là thấy bốn Đức Phật từ bên ngoài đến. Chấp đắm phần hạn của Sắc nên chỉ thấy Ứng hóa. Như thế thì ngay cả các Đức Phật còn khác nhau hướng chi đệ tử mà giống nhau ư! Vì ba thừa khác nhau nên nói là “Chúng (là) đồng”.

Kế là chia làm tám v.v... trở xuống là chia văn giải nghĩa, có hai:
 Một là nói về sự chia văn của hai nhà.

Hai là “Xưa nói rằng v.v...” trở xuống là theo vị Sư Đại thừa để giải thích về nghĩa, lại có.

- Bốn bài kệ lập lại lời thề, có hai:

- Bác bỏ xưa, có hai:

Một là trình bày.

Hai là “Nghĩa đó v.v...” trở xuống là bác bỏ. Vì chư Phật nói pháp không sai lầm về ba thời nên cả Thượng, Trung, Hạ đều là Thiện. Vì chủ thể giải thích Pháp hữu nên lời nói của Phật khéo léo. Vì điều được giải thích là tình thức nên nghĩa của nó sâu xa. Nếu ngang bằng với vô ý thì làm sao ngộ được Tông của Thường hằng. Vì vậy, chúng ta biết rằng vị sư xưa hoàn toàn không hiểu được ý chỉ của kinh này.

Kế là “Lại làm v.v...” trở xuống là giải thích của ngày nay, gồm có:

- Khai chương, trình bày về ý, có hai:

Một là khai chương: Những lời giải thích của Đại sư chứa đựng nghĩa lý vô cùng. Tương xứng với căn cơ để giải thích văn mà lại chỉ bày về ba ý.

Hai là “Tứ đế v.v...” trở xuống là trình bày về ý, có hai:

Một là nói về ba thứ nhân quả: bốn đế là Lý, Nhân quả là chỗ dựa chung. Bốn niệm là Hạnh, Tu bốn niệm là ở nhân. Bốn đức vốn có, chứng bốn đức là ở quả. Nếu không có ba nghĩa ấy thì không thể nào làm sáng tỏ tông thường hằng được.

Hai là “Nếu luận v.v...” trở xuống là nói về lý do của ba tướng: Nói về quả là do nhân. Nhân quả là do ở Đế. Muốn thành tựu về nhân quả thì việc trước tiên là phải hiểu biết về Đế.

Kế là “Trên lấy v.v...” trở xuống là dựa vào Chương để giải thích về nghĩa, như sau:

- Y theo Tứ đế để giải thích, có hai:

- Dùng bốn đế để giải thích về kệ, có hai:

- Nói theo tính chất sâu kín về nghĩa của Đế, có hai:

- Nói về nghĩa bốn đế, có ba:

Một là đối với trên để nói về Cảnh và Trí: Trên thì nói về Người thuộc chủ thể nói, nên đối với trí. Ở đây nói về Pháp thuộc đối tượng được nói, hợp đối với Lý.

Hai là “Xưa đọc v.v...” trở xuống là bác bỏ người xưa chỉ giải quyết về Sự. Nói “Đọc văn” tức là nói về văn, giải thích Chánh biến tri

trong số mười danh hiệu ở Đại luận cuốn ba.

Vì vậy, luận hỏi rằng: “Thế nào gọi là Chánh biến tri?”

Đáp: Biết khổ đúng như tướng của khổ v.v...”. Người xưa đọc đoạn văn này, tuy dùng chữ Như mà giải thích là chẳng khác nhưng không hiểu được rằng ba tạng lấy việc biết về Sự xứng với Lý mà giải thích là chẳng khác. Trong Ma-ha-diễn, lấy việc biết Sự tức Lý mà giải thích là không khác. Đến nỗi các vị làm cho sự giải nghĩa chỉ dừng ngang ở Sự mà hoàn toàn không làm sáng tỏ lý. Lại nữa, đoạn văn này giải thích Chánh biến tri rằng: Biết chân chánh đối với chân. Biết cùng khắp đối với Tục.

Ba là “Nay nói rõ v.v...” trở xuống là nói về chánh nghĩa của Sự ngày nay, có hai:

Một là y theo Nhị đế.

Hai là y theo Tam đế, có hai:

Một là “Giải về ý”: Ví bốn là khổ v.v... là cảnh thuộc nhân quả của thế gian và xuất thế gian. Nếu không nhận thức rõ ràng đối với bốn cảnh ấy thì Chính là chân, Chính là Tục và Không, Giả và Trung, chẳng được gọi là Đế. Nhưng nếu hiểu được Nhị đế (thì) lấy Trung mà làm chân. (Đối với) ba (thì) nói về Không và Giả, ý lại ở Đế, Trung là vì muốn hành giả đối với nhân quả của mười cõi trong phạm vi mê và ngộ mà đều thấy được Trung, Pháp nào cũng đều là vô tác mới được gọi là tướng thế gian thường trụ. Nếu Lý của chúng chẳng như vậy thì biết lấy gì để quét sạch mọi nghi của Tín Tướng. Hai câu đều trước tiên là y theo khổ đế để giải thích.

Hai là làm thông lệ cho các đế khác mà kết.

Kế là “Nói về thức v.v...” trở xuống là nói về so sánh với ý của đế.

Kế là “Tất cả v.v...” trở xuống là dùng Đế để giải thích Văn. Gồm:

Y theo nhân trước quả sau để lấy nước, núi, đất và không gian so sánh với Tập, Khổ, Đạo và Diệt. Theo thông lệ đều chia làm ba.

Một là chỉ bày.

Hai là dẫn chứng.

Ba là Giải thích về kết. “Trong Khổ đế dẫn Tiểu Bát-nhã”: Tức là Kim cương Bát-nhã. Đối với Đại phẩm v.v... thì gọi kim cương Bát-nhã là Tiểu. Vì xét về văn thì ít nhưng lý thì giống với bộ lớn. kim cương Bát-nhã lấy Tu-di để dụ cho thân Phật. Nay chứng minh rằng khổ giống với nghĩa nhóm họp chứ chẳng phải do sự vời lấy của Tập. Nhưng, sở

đi lấy quả báo của Phật để chứng minh cho quả báo của chúng sinh là vì muốn làm sáng tỏ Khổ, Vô tác, ấm và Nhập đều là Như. Không có Khổ để xả bỏ là vì ngay nơi sinh mà thành tựu Diệt. Bàn trĩ tức là quay quanh. Trĩ tức là đứng. Có vị viết là (Bàn) có bộ thạch, viết như vậy là sai. Trong Đạo đế, sở dĩ dẫn Trí địa của Pháp Hoa là vì lấy đất dụ cho đất, đã đến Trí địa Trung Đạo. “Hai đường là đường thủy và đường bộ”. Đường bộ chỉ đưa đến bờ này của biển. Hình ảnh này có thể ví dụ cho sự tu tập chung về đạo phẩm của cả ba thừa; chưa độ được biển dịch thì vẫn còn nấn ná ở bờ này. Đường thủy có thể đi đến được bờ bên kia của biển. Hình ảnh này có thể ví dụ cho sự tu tập riêng về đạo phẩm của Nhất thừa, có công năng đến bờ của ba đức ngay nơi hình thái chết. Cho nên trong Diệt đế, có dẫn Pháp Hoa là vì dùng không gian dụ cho Không. Loại Không này vốn rất ráo nên gọi là “cuối cùng v.v...” “Năm màn che”: tức là Khói, Mây, Bụi, Mù và Tay của Tu la. “Ba ánh sáng”: đó là Mặt trời, Mặt trăng và Sao. Lý của Diệt thuộc phạm trù Thường trụ, xưa không bị ngăn che nên nay cũng không thanh tịnh.

Hỏi: Khổ dụ núi với thân Phật, đạo dùng đất dụ cho trí địa, Diệt dùng không gian dụ cho cái không vượt lên; ba thứ đó đã có giáo lý “Chính là Lý” thì có thể luận bàn đối với Pháp thân là đối tượng được chứng đắc. Nếu Tập đế của phần đầu có dẫn chứng để giải thích về kết mà chỉ nói về phiền não thì đâu được gọi là pháp thân?

Đáp: Mỗi Đế trong bốn đế thuộc phạm trù vô lượng đều là Trung. Nếu chẳng phải tất cả đều hướng về phiền não thì làm sao được gọi là “Chính là Trung” được? Vì “Chính là Trung” nên Khổ đế gọi là Pháp thân. Đạo đế là Trí địa, Diệt đế gọi là Không vượt hơn. Do đó, chúng ta biết rằng trực tiếp dùng phiền não giải thích về Tập đế để chỉ bày về Pháp thân. Ý hướng ấy của Tiên sư quả là độc đáo, hành giả nên biết.

Kế là nói về Tứ đế để giải quyết mọi nghi, có hai:

Kế là chỉ bày về vấn đề hiểu lý thì nghi sẽ dứt trừ, có hai:

Một là chỉ bày về lý để làm sáng tỏ Tướng. Ở trên, lúc giải thích về diêm lành chung, tiên sư dùng việc chưa hề có của tất cả thế gian đều xuất hiện đầy đủ để nói lên Giả, Thật, Y báo của mười cõi đều làm sáng tỏ ba thứ đức. Nay nói về một Tứ đế của Giả, Thật, Y báo thuộc mười cõi, Đế nào cũng là ba thứ đức. Lý ấy hiện hữu khắp các hình tướng nên gọi là Pháp thân. Biết được lý ấy gọi là Báo. Khởi Dụng gọi là Ứng, Ứng thì có dài, ngắn.

Hai là “Tín Tướng v.v...” trở xuống là chỉ bày về tướng dứt nghi. Gồm ba.

Một là Nghi về chỗ dứt.

Hai là “Bốn Đức Phật v.v...” trở xuống là pháp năng dứt. Dụ cho bốn thứ là để làm sáng tỏ tính chất dài của Ứng. Đại sư đặc biệt dùng bốn để để giải thích vấn đề ấy. Nếu chẳng phải tuổi thọ của Ứng hoàn toàn là Pháp thân thì làm sao chúng ta lĩnh hội được hai lý thuyết của Sở về vấn đề “Ba thân một thể”. Vì vậy, đầu tiên, chỉ bày rằng lời lẽ của Đại sư rất khéo léo mà ý nghĩa lại rất sâu. Nếu cứ nhất mực dụ cho một thân thì lẽ nào lời lẽ lại là khéo khéo? Nếu ba thân hoàn toàn cách biệt thì lẽ nào lại nói là Lý rất sâu?

Ba là “Nêu Ứng v.v...” trở xuống là khen ngợi sự khéo léo của ý: Văn thì dụ cho tính chất dài lâu của Ứng mà ý thì làm sáng tỏ về Báo và Pháp. Vì Tín Tướng đạt được ý nên nghi ngờ bỗng nhiên được hiểu rõ.

Kế là “Giải thích v.v...” trở xuống là khen ngợi tính chất độc đáo của sự giải thích để khuyến khích suy nghĩ: Bốn Đức Phật khéo léo dẫn dụ, dứt trừ mối nghi của Tín Tướng. Trí giả giải thích độc đáo nên phát khởi được sự hiểu biết của hành giả. Nay, chúng ta gặp được thì lẽ nào lại không suy nghĩ một cách thấu đáo, kỹ càng ư?

Kế là “Bốn bài kệ v.v...” trở xuống là y theo bốn niệm để giải thích: “Niệm” tức là ba phép quán vượt hơn của Không, Giả và Trung. “Xứ” là bốn cảnh vượt hơn của Thân, Thọ, Tâm, Pháp. Nếu không có Quán và Cảnh này thì ba thân không được hiển ra. Mà như vậy thì chẳng thể nói là luận bàn về thường hằng. Sự giải thích này được chia làm ba.

Kế là dùng kệ để đối với pháp, có ba:

Một là bỏ riêng theo chung. Vì Thân, Thọ, Tâm và Pháp chỉ là năm ấm nên bốn niệm vốn ở tại Khổ đế. Thế nhưng, sự tu tập về Quán thuộc về Niệm xứ lại có cả cả bốn thứ Giáo. Nay chỉ y theo Viên, tức là quán bốn đặc tính Tịnh, Bất tịnh, Phi tịnh và Phi bất tịnh của Thân. Cho đến quán Pháp, Ngã trải qua Ngã, Phi ngã, Phi Vô ngã đều thành ba đế.

Hai là “Tất cả v.v...” trở xuống là theo khuôn phép chung để giải thích theo nguyên tắc so sánh: “Niệm xứ của Tưởng, Hành”: Chỉ là Niệm của Pháp hợp với hai ấm. Nay, vì Đại sư muốn phối trí với Địa nên giữ lại tên gọi của ấm. “Tưởng giữ lấy sự vận hành của hành”: Tưởng chấp lấy tướng mạo. Hành là sự chuyển động, trôi chảy. Cho nên Đại sư nói là “Sự vận hành của Hành”. Dưới chữ Hành là bình thanh.

Ba là “Nếu quán v.v...” trở xuống là so sánh với lý do của kệ: Nếu nhân quả của tuổi thọ thường hằng mà không có niệm xứ của viên

thì không có lý do để thành tựu. Vì vậy, Đại sư dùng (Quán) để so sánh với kệ.

Kế là “Nếu quán v.v...” trở xuống là là dứt trừ nghi ngờ, lại có:

- Nói về nhân quả của Niệm xứ, có hai:

Một là Tướng của sự tu tập nhân. Bốn trạng thái khô khan tức là không, bốn trạng thái tươi tức là Giả, “Cả hai đều không” tức là Trung, nói thì có thứ lớp nhưng tu tập thì không có trước sau; đó là một tâm ba quán. Vì lẽ ấy, cho nên Đức Phật đối với bốn trạng thái khô, bốn trạng thái tươi mà nhập Niết-bàn giữa hai cây (Sa-la) là vì ngài muốn chính thức nói lên một tâm ba quán ấy.

Hai là “Thành năm v.v...” trở xuống là tướng của sự đạt được quả, lại có:

Một là nói về tướng của tính chất dung nhiếp, chính là của ba đức: Chính là khô, Chính là tươi, Chính là chẳng phải khô và tươi được tu tập ở một sát-na. Sát-na nào cũng nghĩ nhớ tràn đầy, không dừng nghỉ. Trải qua cả năm phẩm, phát khởi tựa để chứng chân. Đến giai đoạn quả vị thì ba hoặc hoàn toàn dứt sạch. Trăm giới, năm ấm được tự tại vô ngại gọi là năm hình thái giải thoát. Trăm giới, năm ấm thanh tịnh như hư không gọi là năm thứ Bát-nhã. Trăm giới, năm ấm tuyệt đối khó suy nghĩ được gọi là năm thứ Pháp thân. Vì trí thâm khế hợp với năm ấm, Lý là thứ thâm khế hợp nên gọi trí là lý. Tuy thể là một, không phân mà phân. Bát-nhã là chủ thể thâm khế hợp. Pháp thân là thứ thâm khế hợp. Vì tướng thâm khế hợp nên khởi sinh ra dụng giải thoát. “Tuy ba v.v...” trở xuống là giải thích về nghĩa Bí tạng. Vấn đề này như thường được nói.

Hai là “nhân vươngong v.v...” trở xuống là nói về tướng thường trụ của năm ấm. Tánh là không thay đổi. Tức là trăm giới, năm ấm, tám tướng chẳng thay đổi, hiện hữu khắp cả mười phương. Nhưng chẳng phải cuối cùng của Sự mới có riêng ấm của Tánh mà chỉ có ấm của Thiệt ác làm dơ bẩn, ô nhiễm ấm v.v... Đương thể của ấm vốn thường trụ nên gọi là ấm của Tánh. Mong người học cẩn thận, không nên tìm cầu riêng. “ấm, đó là v.v...” trở xuống là nói về Thể, Dụng và Tướng của ba thân: Cả Pháp và Báo đều chẳng phải, toàn bộ thể sinh khởi Dụng, chủ thể thường vô thường. “Dụng của Thường thì dài v.v...”. Dài thì bốn ví dụ, Ngắn thì tám mươi. Đã đều là tuổi thọ của ứng thì tất cả đều là Vô thường. “Nay dùng dài và ngắn để chia ra Thường và Vô thường: Do núi, cái rìu v.v... có thể làm sáng tỏ thường hằng. Nếu chẳng phải thường hằng thì làm sao khiến cho có dụng của Ứng làm cho người

và trời không tính đếm được. Vì vậy, Tín Tướng nghe nói tám mươi diệt mà nghi rằng tuổi thọ là Vô thường, nghe bốn ví dụ về dài mà ngộ được thể thường trụ. Do đó, Đại sư nói “Dụng của thường thì dài, dụng của Vô thường thì ngắn”.

Kế là “Tín Tướng v.v...” trở xuống là dùng quả của dụng để dứt trừ nghi ngờ, có ba.

Một là Nghi thuộc sở bị phá.

Hai là “Bốn vị Phật v.v...” trở xuống là pháp thuộc chủ thể phá.

Ba là “Tín Tướng v.v...” trở xuống là đạt được tướng của giải trừ. Ba điều này chẳng khác về ý với sự dứt trừ nghi ngờ về bốn đế ở trước. Nhưng, chúng ta phải nghiên cứu thật sâu.

Kế là “Bốn bài kệ v.v...” trở xuống là giải thích y theo Tứ đế, có hai:

Một là dùng kệ đối với đức, nghiên đất thành bụi mà còn chưa có tướng của tịnh thì lẽ nào lại lưu giữ tướng của uế. Vì vậy đối với đức của tịnh mà dụ cho tịnh của lý, tịnh là đối với tịnh, và uế.

Hai là “Bốn thứ đức v.v...” trở xuống là dùng đức để dứt trừ nghi, có hai:

Một là làm sáng tỏ về dụng của Đức: người học cần phải phân biệt bốn đức là Thường v.v... vốn giống tên gọi nhưng thể thì khác nhau.

Hai là thể của Thường, Lạc, Ngã và Tịnh do Bồ-tát lập ra là Vô minh.

Kế là Thể của Thường, Lạc, Ngã và Tịnh do Đức Phật chứng đắc là Trung đạo. Nay, vì cả bốn đức tính ấy đều là trung cho nên đều dùng “Cả hai đều Không” để làm sáng tỏ. Đứng về lý thì phải Không cả mười hai hình thái điên đảo. Nay, các tên gọi như Thường và Phi thường, Phi vô thường v.v... là giống nhau nhưng Thể của chúng thì khác nhau. Bốn đức, “Cả hai đều không”, tức là pháp thân. Bốn đức thường thâm khế hợp với Trí tức là Báo thân. Pháp và Báo đã thâm khế hợp chủ thể ứng với chúng sinh sinh ra Thường và Vô thường. Cho đến Tịnh và Bất tịnh đều ứng dụng tự tại.

Kế là “Tín Tướng v.v...” trở xuống là dứt nghi ngờ, có ba:

Một là Nghi thuộc sở bị phá.

Hai là “Bốn Đức Phật v.v...” trở xuống là pháp thuộc năng phá.

Ba là “Tín Tướng v.v...” trở xuống là đạt được tướng của dứt nghi. Nếu người học biết được ý của sự dứt nghi thuộc bốn đế thì sẽ hiểu được ba điều này.

“Trăm ức v.v...” trở xuống là một bài kệ phối hợp với ví dụ, có

hai:

Một là nêu lên hai sự sai lầm của bản giải thích xưa.

Hai là “Xưa nói v.v...” trở xuống là nói về ý của người đời nay để bác bỏ xưa, như sau:

- Bác bỏ sự chấp văn một cách hẹp hòi, có:

Một là nêu ra lời giải thích xưa: người xưa chỉ cho văn như nhau chứ không hiểu ý chỉ bày một cách khéo léo của bốn Đức Phật.

Hai là nói về ý của người thời nay, có hai:

Một là chỉ bày về ý sâu của kinh này, bốn là dụ cho có hạn lượng. Trăm, ngàn là số. Điều ấy có ai mà không biết? Người học phải hiểu sự nêu lên số Lượng hướng chi là vô lượng, vô số.

“Người đã v.v...” trở xuống là bác bỏ người xưa vu khống kinh: Nói có Túng và Đoạt. Dẫu Túng có hiểu về Ứng Hóa đi nữa thì Đoạt vẫn mê mờ về Báo và Pháp. Báo và Pháp là Thể và Gốc của Ứng Hóa. Văn thì sâu mà sự giải thích lại cạn. Tức là tự hủy hoại mình và hủy hoại người khác, tự thân đã vơi lấy lỗi lầm mà còn làm cho người khác chê bai giáo lý.

Hai là phá sự chấp đắm nghĩa có tính cách nghiêng lệch: Nghĩa là Hóa thân, Ứng thân và Báo thân được giải thích. Ba thứ thân ấy đều có đủ bốn câu, tức là Thường, Vô thường, cả hai cũng là và cả hai đều không phải là, làm sáng tỏ ba và một không thể là một hoặc khác để suy nghĩ và giảng nói. Người xưa không hiểu hóa thân này chắc chắn là vô thường. Hoặc nghe Hóa thân tức là pháp nên là Thường. Cũng như nói rằng Pháp là Thường, Hóa là Vô thường, là vì không hiểu được chữ “Chính là”. Vì thế, luận Khởi Tín nói: “Tùy theo cái được ứng của nó mà thường trụ trì, không hủy diệt, không mất đi”. Lời ấy làm sáng tỏ Hóa thân có cả hai nghĩa.

Kế là “Bởi vì v.v...” trở xuống là kệ dứt nghi, có hai:

- Nhắc lại Nhân để giải thích nghi, có hai:

- Dùng sự hạnh để tiêu Văn, có hai:

Một là y cứ theo nhân duyên để giải thích: Nhân thô thân, Duyên thì sơ. Không giết, giữ mạng sống là nhân của sống lâu, đó là nghĩa của duyên gián tiếp.

Hai là “Nếu cho rằng v.v...” trở xuống là giải thích theo hai thứ duyên: Không sát sinh có hai thứ: không sát sinh là chỉ Thiệt; phóng sinh là hành Thiệt. Không trộm cướp có hai thứ: “Không trộm cướp là chỉ Thiệt; bố thí thức ăn là hành Thiệt”. Vì vậy, mỗi điều lành trong mười điều lành đều có Chỉ và Hành, tất cả đều có hai thứ duyên. Xuyên

qua cả hai thứ Thiện mà nêu lên có tính cách tương hỗ về Chỉ và Hành. Mỗi loại Chỉ và Hành đều là hai thứ duyên của sống lâu. Phát tâm Bồ-đề mới gọi là Nhân.

Sở dĩ gọi là Pháp tánh vì bốn lời thệ nguyện thuộc phạm trù Vô tác đều do Pháp tánh sinh khởi, là nhân của sống lâu. Hai duyên của đủ loại đã giúp đỡ cho đạo tâm chân chính. Như thế thì chúng ta hiểu được Pháp và Báo chẳng phải là Thường, cũng chẳng phải Vô thường, có năng lực sinh khởi Thường và Vô thường của Ứng và Hóa. Ba thân là một thể, đó mới là sự thường hằng siêu việt.

Kế là “Món ăn của pháp v.v...” trở xuống là nói về Pháp môn chỉ thượng: Nếu đứng về pháp môn để nói về sự bố thí thức ăn và không sát sinh v.v... thì giống như những điều được nói đầy đủ trong phần Tựa của về niệm Nghi.

Kế là “Tu nhân v.v...” trở xuống là y theo quả để dứt nghi: dùng dài giải thích về ngăn thì sự nghi thuộc Vô thường được dứt trừ. Tuổi thọ thường trụ làm sáng tỏ kinh này. Vì vậy, Đại sĩ tức chỉ cho Như Lai, như nói “Vô thượng sĩ”. Do đó, trong bản mới của Pháp sư Nghĩa Tịnh, đến câu này Ngài dịch rằng: “Vì vậy, Đại giác tôn”.

Kế là “Vì vậy, người nay v.v...” trở xuống là dùng một bài kệ để kết thành.

Kế là “Lúc bấy giờ v.v...” trở xuống là Tín Tướng hoan hỷ, có hai: Một y theo điều được nghe để giải thích về sự giải ngộ của Tín Tướng: “Nói Bốn và Tích tức muốn nói Thể là Bốn, Dụng là Tích. Nghe tuổi thọ Vô Lượng mà hiểu được dụng của Tích là Thường, tức là dài của chẳng phải dài. Do đó liền nhận thức rằng dụng của Tích có thể ngăn; chẳng phải ngăn mà ngăn thì cái nghi tám mươi có tính chất một chiều được dứt bỏ từ khi ấy. “Thâm tâm”: là giác ngộ được Bản thể cao sâu của Pháp và Báo. Bản thể này vượt ngoài Lượng cho đến vô lượng.

Kế là “hơn hờ v.v...” trở xuống là y theo sự mà đi vào vị trí để giải thích về hoan hỷ: Chân tín giải phát nhập vào giai vị hoan hỷ. Biệt ở Sơ địa, Viên ở Sơ trụ. Cả hai đều phá vô minh gọi là Nghi ngờ. Từ đó trở đi đều là nội phạm nhưng giải thích là Tự Vị. Bước lên Thập địa đánh nếu không lập Đăng giác thì tức là địa thứ mười, phá hoặc thuộc Vô minh, sau khi bước lên Hậu tâm thì vị trí này gọi là đánh Chúng phục. Vì kim cương dụ định đã bị Vô minh sau cùng làm động nên sinh ra trạng thái vui mừng hơn hờ.

Kế là từ “Nói v.v...” trở xuống là sự đặc đạo của người đương cơ. “Thượng căn ngộ đầu tiên”: tức là dùng ba lượt ý của bản kinh mới

dịch. Trần-như xin Xá-lợi là Trung căn, phân biệt ba thân là Hạ căn. A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, dịch là Vô thượng Chánh đẳng giác. Tức là giác tánh xưa nay của tất cả chúng sinh chứ chẳng phải bước lên quả vị cùng cực mới gọi là Vô thượng và Chánh đẳng này. Tâm giác ngộ này phát là chung đối với năm, tức là phần chân của nay.

Kế là từ “Thời v.v...” trở xuống là bốn Đức Phật quay về gốc, có hai:

Một là Giải thích về nhân duyên: Giác tánh của một loại cơ duyên là Tín Tướng v.v... vừa hợp và hưng khởi thì bốn Đức Phật không hiện mà hiện ngay. Sở dĩ bốn Đức Phật hiện ra là vì sự phát tâm. Vì tâm đã phát nên không quay về mà quay về.

Hai là giải thích về quán hạnh. “Đế cảnh”: tức là Bốn giác của ba đế, một cảnh. “Giác tuệ” tức là Thỉ giác của ba trí, một tâm. Toàn Bốn sinh khởi ra Thỉ gọi là phát. Thỉ hợp với Bốn gọi là Tương ứng. Tương ứng với thiện thì chắc chắn tiêu mất cả hai. Không tiêu mất tức là trong thông suốt mà khởi sự bít lấp. Vì biểu thị cho sự vắng lặng nên không hiện khởi.

Kế là giải thích phẩm Sám Hối, lại có:

- Nói về nghĩa lớn, có bốn:

- Giải thích về danh từ sám hối, có ba:

Một là đối với các kinh khác: Kinh Phương đẳng đà-la-ni nói về pháp sám hối của bốn chúng. Kinh Phổ Hiền Quán Pháp nói về pháp sám hối sáu căn. Đại kinh thì nói về sự sám nghi của vua A-xà-thế, kinh Thỉnh Quán Âm phong tỏa và điều phục ba thứ chướng. Quán môn của các kinh đều có công năng diệt tội, có Pháp nào chẳng phải là Sám? Nhưng, công hạnh của Bồ-tát là vị chuyển nghiệp đời trước thành duyên của việc lợi tha nên nói về ba pháp sám hối là Vô sinh v.v... Thanh văn vì tự độ nên dù có nói về Sám hối đi nữa thì phần nhiều là ở tại pháp cầu thoát ra ba đường. Vì thế, nay chỉ đối với các kinh của Đại thừa để nói về Tán và Chuyên.

Hai chính là giải thích về danh từ, gồm có:

Một là y theo chế phục để giải thích phần đầu. Nhưng, hai chữ Sám hối là nêu lên cả hai âm. Chữ Phạn là Sám-ma. Hán dịch là Hối quá. Do hối ngộ điều sai lầm nghĩa của năm loại Thủ phục v.v... Nay vì nêu cả hai âm Hoa và Phạn nên Đại sư dùng Thủ để giải thích về Sám và lấy Phục để giải thích về hối. Cho đến dùng hổ thẹn để giải thích Sám Hối. Mục đích của Đại sư là muốn làm cho người vâng theo hai chữ mà tu hạnh Thủ phục và hổ thẹn v.v... Vì đó là tướng của khéo

léo nói pháp nên chúng ta không thể lấy sự hổ huân của Hoa và Phạm để quở trách. Đầu tiên là y theo Thủ để giải thích. Thủ âm là Thú, tức là tự trình bày tội lỗi.

Hai là y theo Đen và Trắng để giải thích. Ngóng tức là trông mong. Chuộng cũng như tôn quý, sùng thượng.

Ba là y theo vút bỏ, cầu tìm để giải thích. Hẹp hòi tức là xấu hổ, Ô là Hiềm hận.

Bốn là y theo Lộ đoạn mà giải thích: Phát lộ quá khứ và hiện tại, dứt sự nối tiếp đến vị lai.

Năm là y theo hổ thẹn để giải thích, có hai:

Một là giải thích chung, trực tiếp dùng hổ thẹn để giải thích về Sám hối. Vì chưa chia ra thứ nghĩa giữa người, trời nên gọi là giải thích chung.

Hai là “Tâm thì v.v...” trở xuống là giải thích riêng, tức là chia ra người, trời và sự khác nhau của sự lý thuộc bốn thứ giáo.

Kế là y theo người, trời để giải thích: Người thì mắt thường nên chỉ thấy chỗ rõ ràng của hổ thẹn, các vị trời thì có mắt Trời đạt được do quả báo nên thấy được chỗ ẩn mật. Người ấy hổ thẹn gọi là Sám Hối.

Kế là “lại nữa v.v...” trở xuống là y theo bốn thứ giáo để giải thích. Bởi kinh này có cả sự sám hối của cả ba thừa. Vì ba thừa nhiếp cả bốn thứ giáo. Nghĩa của hổ thẹn đã bao gồm cả bốn thứ giáo thì lẽ nào bốn thứ là Thủ phục v.v... lại không bao gồm cả bốn thứ giáo hay sao? Người nói pháp y theo nghĩa thì nên giảng nói cho rõ ràng. Lại nữa, vị trí Hiền của bốn thứ giáo đều phải gia công, bậc Thánh thì tự nhiên có thể loại suy. Quả báo của người, trời thì tác ý tự nhiên. Lại nữa, Hiền thánh của bốn thứ Giáo có tu, có chứng. Lý của bốn thứ Giáo vốn chẳng phải do sự tạo tác. Vì vậy, còn được gọi là bốn giáo của người và trời.

Kế là ba tạng, có hai:

Một là Hiền thánh. Hiền tức là bảy loại Hiền, Thánh tức là bốn bậc Thánh. Đãi tức là Cập (đến).

Hai là “Lại nữa, Hiền v.v...” trở xuống là Sự Lý.

Kế là “Lại nữa, Tâm v.v...” trở xuống là Thông giáo, có hai:

Một là Hiền thánh. Vì Bồ-tát của giáo này có cùng sự dứt hoặc như Nhị thừa nên cả ba thừa đều là Thánh.

Hai là hình ảnh “Lại nữa, ba v.v...” trở xuống là Sự Lý.

Kế là “Lại nữa, ba v.v...” trở xuống là Biệt giáo, có hai:

Một là Hiền thánh: Vị trí Thánh của Thông giáo chỉ dứt trừ kiến tư. Ba bậc Hiền của Biệt giáo có thể dứt Trần sa và lại chế phục Vô

minh. Vì thế, Đại sư nói “Còn sai”.

Hai là “Cuối cùng v.v...” trở xuống là Sự Lý. Ở đây lấy Đăn trung làm Đệ-nhất-nghĩa.

Kế là “Lại nữa, ba v.v...” trở xuống là Viên giáo, có hai:

Một là Hiền, Thánh: Dứt bỏ ba mươi tâm thì đều chứng Pháp thân đều hiện ra tám tướng. Vì vậy, Đại sư xếp vào Thánh. Thập tín già biệt hẳn biến khổ nên được gọi là Hiền.

Hai là “cuối cùng đó v.v...” trở xuống là Sự Lý: Lấy Trung thuộc đầy đủ đức làm Đệ-nhất-nghĩa.

Ba là “Hợp mười v.v...” trở xuống là hợp mười số: Lấy Trung của hổ thẹn mà chia ra chung và riêng, chung là một mà riêng là năm, và bốn thứ như thủ phục v.v... Vì vậy, thành ra mười phen giải thích về danh từ sám hối.

Hai là nói về nơi sám hối, có bốn.

Một là nói về Sám thì phải có nơi chốn. Nơi nương tựa của Sám như tình trạng nguyên liệu thô phác nếu không có dùi nện thì không thành đồ dùng. Lấy gì làm dùi nện? Đó là một thật tướng, không có thật tướng khác. Tức là tướng tội. Nếu đạt được nơi chốn này thì tất cả tội đều tiêu diệt, tất cả đức đều sáng tỏ. Phần này tự chia như sau:

- Dẫn kinh để nói về nơi chốn, lại có:

- Dẫn các kinh, có hai:

Một là dẫn hai đoạn văn của Đại kinh: “Lời nói thô tháo, lời nói mêm mông”: Đối với giáo lý thuộc về bảy phương tiện thì phải dứt trừ ba thứ chướng, phải tu tập các công hạnh. Nhưng, vì chủ thể và đối tượng vẫn còn nên gọi là “Lời nói thô tháo”. Nếu là Viên giáo thì tất cả tu ác đều chính là tánh ác, đối tượng bị phá đã vắng lặng nên chủ thể phá tự mất. Ngôn ngữ của Vô ngôn gọi là “Lời nói mêm mông”. Vì ở nơi “Thô tháo” và “Mê mông” ấy mà Đương xứ vẫn vắng lặng nên Đại sư nói là “Đều trở về Đệ-nhất-nghĩa”. “Bốn Chân-đế”: Vì hai khổ Chết, Tập của năm trụ, chính là tánh nên không có một loại nào để xả bỏ. Vì Đạo thuộc muôn ngàn hạnh, Diệt của ba đức chính là tánh nên không có Tu, không có Chứng. Nhưng sở dĩ nói dứt trừ sinh tử là đứng ở Chính mà nói về dứt. Dứt trừ của không dứt trừ thì tất cả đều được dứt trừ hết, cũng là miệng dứt trừ ở khổ thuộc tánh đức. Bốn thứ dứt này dứt bật suy nghĩ, suy niệm, đều là Đệ-nhất-nghĩa. Hành giả biết được như thế thì được gọi là “Có được nơi chốn”.

Hai là dẫn hai đoạn văn của Pháp Hoa: Đi khắp gọi là Hành, trực tiếp tu tập gọi là gần. Hai việc này phải y theo nơi chốn gọi là Nhất

Thật. Muốn nhấn với cái nhục của chúng sinh thì phải trụ vào đất lý. Đất ấy là tâm thì phải thực hành và phân biệt điều gì? Đồng thời, cũng không nói rằng thực hành pháp không phân biệt. Nếu chẳng như vậy thì làm sao gọi là “Có được nơi chốn”. “Chỗ châu báu ở gần v.v...”: Tức chỉ ra chướng tức là đức thì lẽ nào lại có cái gần nào hơn như thế. Nhưng, vì phải quán chiếu nên Đại sư nói là “Tiến lên trước”. Phế bỏ tình thức thuộc Quyền gọi là “rời bỏ hóa thành”. Thể của Quyền là thật, gọi là “Chính là đến đảo châu báu”.

Kế là dẫn kinh này, có hai:

Một là dẫn: Ngã tức là ngã chân thật, lìa Nhân thì chẳng có pháp. pháp tức là năm ấm thường trụ. ấm này là nhà che khắp tất cả chúng sinh. Vua A-xà-thế nói kệ giải thích Đệ-nhất-nghĩa gọi là quay về với Thế Tôn. Nay, kinh này nói rằng “Ta là nơi chốn quay về”. Kia cảm, đây ứng, nghĩa ấy biến mất.

Hai là “Nơi quy y là v.v...” trở xuống là giải thích. Kinh nói: “Ta làm chỗ nương”. Vậy, thể của ngã như thế nào? Đại sư lấy pháp tánh Đệ lý, Diệu cảnh, Phật sự và Bí tạng để làm bằng chứng giải thích. “Mười phương v.v...”: Bậc Thánh trụ trong cả Phần và Mãn. Tức là lấy nơi chốn này để giúp cho chúng sinh an trụ. Sơ tâm có thể trụ gọi là “Đạt được nơi chốn”.

Kế là “Nếu đạt được v.v...” trở xuống là kết thúc sự mở bày nơi chốn phải có. Gốc của thật tướng lập thì sẽ sinh ra con đường diệu sám tịnh tín của Vô sinh. Nếu hành giả không thể nhập các pháp chính là tánh thì sẽ ở nơi mảnh đất bình thản của Trung đạo mà sinh khởi tám hình thái điên đảo gọi là sự sa đọa của điên đảo. “Như người mù bầm sinh v.v...”: Vô minh của bốn thứ mắt, làm mù mắt Phật. Vào nơi giáo lý nghiêng lệch, các kiến như bụi gai, xúc chạm con đường thành trở ngại. Những việc ấy đều do không “đạt được nơi chốn”.

Kế là “Vì vậy, Phổ v.v...” trở xuống là nói về vấn đề “Đạt được nơi chốn”, Sám diệu, gồm có:

Một là y theo mẫu nhiệm để nói về sám, có ba:

Kế là dẫn kinh để chỉ bày về mẫu nhiệm: “Ngồi ngay ngắn”: Tức là oai nghi của Thân. Thiên ba-la-mật đưa ra đầy đủ các cách thức ngồi, người tu nên xem xét. “Niệm thật tướng”: tức là phép quán sám hối tội lỗi. Thật tướng vốn không có tướng. Vậy, hành giả phải niệm thế nào? Do đó, người tu dứt khoát phải lấy niệm của Vô niệm để niệm tướng của vô tướng, dùng tướng của vô tướng để xem xét niệm của Vô niệm. Nếu ngoài niệm mà có thật tướng riêng, ngoài thể có niệm riêng thì

chẳng phải là “Niệm thật tướng” của kinh này. “Các tội v.v...”: Tức là lý do dứt trừ tội. Bởi vì, sự nghĩ nhớ đến Thật tướng ở trước, thể của tu ác chính là tánh ác. Tánh ác chiếu sáng thì đó mới gọi là Mặt trời trí tuệ. Tu ác vốn rỗng không như sương, móc tiêu tan. “Tâm ta v.v...”: Cũng xuất xứ từ kinh này. Tâm tánh xưa nay tức là Không, Giả và Trung. Là sự nhiễm ô của ba hoặc gọi là không tự thân. Tội phước, hai ngã trong mười cõi khó đạt được, ai là chủ tể? Đạt được như thế gọi là Vô sinh sám. Vì lẽ đó nên khiến Như Lai lập ra ba tên.

Hai là “Vô tội v.v...” trở xuống là nói về Diệu y theo nghĩa: Lấy ba thứ tên để so sánh với ba đế thì sẽ nhận biết được nghĩa của chúng. Nếu phân biệt cả ba đế để giải thích thì đó là thứ lớp quán chứ chẳng phải là nghĩa mâu nhiệm của hôm nay. Sự mâu nhiệm của nghĩa của hôm nay là: Không tức là ba đế, Giả và Trung cũng giống như vậy. Đó gọi là ngay nơi một là ba. Tam đế đều là Không. Giả, Trung cũng như vậy. Đó là ngay nơi ba mà là một. Hành giả nên biết điều này. Ba và một chính là nhau là làm sáng tỏ nơi chốn sám hối, dứt bật suy nghĩ và bàn luận. Nếu dùng lời nói này để làm thêm lớn tư tưởng thì hành giả mãi mãi không rõ biết về nơi chốn sám hối.

Kế là “Các v.v...” trở xuống là y theo người để làm sáng tỏ mâu nhiệm: pháp mà bậc Đại nhân học không thể là thấp cạn.

Kế là “Nếu biết v.v...” trở xuống là kết tên gọi Diệu sám: dứt trừ được Kiến tư thì tâm chính là kho tàng của ba đức. Rễ của tội đã vắng lặng thì pháp của Sám tự mất. Chủ thể và đối tượng đã tiêu mất thì sao lại dùng danh từ để đặt để. Có chăng chỉ gọi theo cách gượng gạo là “Nơi này là tuyệt đối mâu nhiệm”!

Kế là “Đại kinh v.v...” trở xuống là nói về vấn đề Sám mâu nhiệm, người tôn quý, có hai:

Một là dẫn kinh sách để chỉ bày, nên nghĩ nhớ sự sâu rộng của nó là như biển lớn. Đứng từ quan điểm sám hối này mà gọi nó là tầm gọi. Nhiếp tất cả muôn vạn công hạnh gọi là dùng các thứ nước. Hình ảnh ấy dụ cho sự sám hối đạt được Bát-nhã. Nghiệp ác từ vô thủy trôi buộc hành giả như chủ nợ. Thấy được thật tướng của nghiệp gọi là nường gần với vua. Nghiệp tùy theo sự quán sát mà chuyển gọi là cúng dường ngược lại. Đây là dụ cho sám hối đạt được giải thoát. Tâm tánh vô thượng cũng như bức tường. Sơ tâm đạt được tánh như cỏ nường ở chỗ cao; Hạnh và Vị tuy thấp nhưng đã có khả năng vượt qua đánh của bảy phương tiện. Đây là dụ cho sám hối đạt được Pháp thân. Sách Thư nói là Lưu Tử.

Hai là “Hành giả v.v...” trở xuống là nêu hành giả để kết thúc.

Kế là “Hành giả v.v...” trở xuống là khuyên trước nên tìm nơi chốn sám hối. Nhưng nơi chốn sám hối thì ai cũng sẵn có, có pháp nào là tạm sai đâu? Chỉ vì mê gốc nên cả mắt đều không thấy, cả tâm đều không biết. Vì vậy, ở đoạn dưới, Đại sư nói “Ở trước mười lực mà không biết chư Phật”. Khuyên và cầu mong người tìm kiếm phải thân gần gũi thầy giỏi, phải nương tựa vào giáo lý vượt hơn, siêng năng nghe và hỏi, đọc và suy nghĩ kỹ. Nếu làm được như vậy thì chắc chắn đối với chủ thể giải thích và đối tượng được giải thích sẽ thông dong ngoài tư lự, không dùng tên gọi mà gán ghép. Đó là đạo lý của pháp tánh là cái được tìm kiếm. Lý ấy thật vô cùng vượt hơn, là chỗ y cứ của pháp sám hối. Vì vậy, Đại sư gọi là “Nơi chốn”. Nếu y theo nơi chốn ấy để lập ra Hạnh môn thì mới được gọi là sám hối Đại thừa.

Kế là “Tiếp theo, làm sáng tỏ v.v...” trở xuống là nói về pháp sám hối. Đây là sự chỉ bày về Pháp thuộc chủ thể sám hối. Gồm:

Một là khai chương: Chánh và trợ ở đây cũng gọi là Tuệ hành và Hạnh hành. Nếu y theo lớn thì đó chính là Duyên nhân và Liễu nhân, là pháp của tu đức.

Hai là “Chánh pháp v.v...” trở xuống là chỉ bày về tướng, có:

- Chánh pháp, có hai:

Một là chỉ bày sơ lược, trong sự phân biệt về nơi chốn ở trên tuy lời là chủ thể quán nhưng ý tức là dùng quán để làm sáng tỏ về nơi y cứ. Nay nói chủ thể quán thì ý chính là lấy nơi chốn để làm sáng tỏ quán thuộc Chủ thể quán. Vì pháp không đứng một mình nên phải đeo níu nhau. Dứt trừ mà không lẫn lộn nhau mới dụng tâm được.

Hai là “Pháp tánh v.v...” trở xuống là chỉ bày về chi tiết, lại có:

- Nói về tướng của sự tu tập về quán, có hai:

- Đứng ở nội tâm mà tu quán, có hai:

Một là nói về quán tùy theo cảnh. Pháp tánh tức là Thật tướng các pháp. Tên là Như Lai tạng thì đầy đủ các đức. Tuy có các đức tính ấy nhưng vốn vẫn lìa niệm nên nay mới nói rằng “Vốn dứt bật niệm mà quán”. Vì vậy, loại quán này cũng có tất cả công đức của Pháp tánh. Do đó, Đại sư kết rằng “Quán tuệ cũng như vậy”.

Hai là “Cảnh, Trí v.v...” trở xuống là nói cảnh và quán chẳng phải hai, lại có:

- Dung nhiếp Cảnh và Quán, có hai:

Một là chỉ bày về tướng: Cảnh là Bản giác, Trí là Thủ giác. Tuy chia ra Bản và Thủ nhưng vốn là một loại Giác. Cảnh và Trí đã vậy mới được gọi là tướng thâm khế hợp với Pháp không hai. Vì vậy, Đại sư nói

câu “Như như chẳng khác”. Như và Danh chẳng khác tức là Cảnh chẳng khác với Trí, Trí chẳng khác với Cảnh, cũng gọi là Nhất, Hợp. Vì thế của Cảnh và Trí là một nên mới thâm khế hợp.

Hai là “Kinh nói v.v...” trở xuống là dẫn chứng: Kinh tức là Nhân Vương Bát-nhã. Trí là Bát-nhã. Nơi chốn là thật tướng. Trí thuộc chủ thể quán và nơi chốn thuộc đối tượng được quán đều là Bát-nhã, tức là ngoài trí chẳng có cảnh. Cả hai đều là thật tướng tức là ngoài cảnh không có Trí. Tướng trạng thâm khế hợp với nhau của Cảnh và Trí là như vậy.

Hai là “Nói Như v.v...” trở xuống là hội nói và im lặng. Lại do hai tướng nói và im lặng chẳng khác nhau nên làm sáng tỏ về cảnh trí nhất thể và thâm khế hợp. Nếu không do Cảnh và Trí của vô tướng thì làm sao sinh khởi được lời nói thuộc sự im lặng? Nếu không do lời nói thuộc sự lìa bỏ của tánh thì chẳng thể làm sáng tỏ được Cảnh và Trí không hai. Vì vậy, sau Cảnh và Trí, chúng ta phải bàn về nói và im lặng. Do đó, Chỉ Quán Nghĩa Lộ nói rằng “Vì vậy cảnh không thể suy nghĩ bàn luận tức là Quán”. Cho nên được nói rằng Cảnh chiếu Cảnh, Cảnh chiếu Trí, Trí chiếu Trí, Trí chiếu Cảnh. Người chiếu soi mới chiếu soi, chẳng phải lời nói cùng tận được. Người nói nên chiếu, chẳng phải lời nói mà xong được”. Vì vậy, chúng ta biết rằng nghĩa của Chỉ quán chẳng khác với ở đây.

Kế là “Lấy cái đó v.v...” trở xuống là dùng tâm thanh tịnh đi qua pháp, có hai:

Một là theo thông lệ tiêu mất và thanh tịnh của nội tâm: Ở trên, lúc nói về diệu quán, Đại sư đã đứng ở nội tâm để nghiên cứu diệu cảnh nhiếp tất cả pháp. Nếu thành tựu quán cảnh thì có khả năng dùng loại quán này để trải qua khắp cả ba khoa cho đến nghiệp hoặc, tự nhiên hành giả đều thấy được cảnh không thể suy nghĩ bàn luận. vì vậy, Nghĩa Lộ nói: “Tu tập thứ lớp của quán thì trước phải từ nội tâm. Nếu nội tâm thanh tịnh thì hành giả dùng tâm thanh tịnh ấy mà trải qua khắp các pháp, tự nhiên được thâm khế hợp”.

Hai là “Vì thế, nói rằng v.v...” trở xuống là dẫn giáo chỉ bày tướng của dung nhiếp, có hai:

Một là y theo pháp để khai thị.

Tỳ-lô-giá-na, Hán dịch là Hiện hữu ở khắp mọi nơi, đó cũng là trải qua tất cả. Lại trải qua riêng đối với sáu thứ tạo tác, sáu thứ thọ nhận. Hai thứ tạo tác là đi và đứng phải bao gồm bốn thứ tạo tác là ngồi, nằm, nói và im lặng. Đó gọi là sáu thứ tạo tác. Sáng và tối là nêu

sơ lược việc mất thọ Sắc. Hợp với thông lệ của chấp lấy âm thanh cho đến ý và pháp, đó gọi là sáu thứ thọ nhận. Vì vậy, Đại sư tổng kết rằng “Đối tượng đối lập với sáu căn”. Tuy kết sáu thứ thọ nhận nhưng thân chắc chắn là sáu thứ tạo tác. Đối với tạo tác và thọ nhận ấy mà thường được thấy Phật. Phật chắc hẳn có ba thân. Nay, do nội tâm mà thành ba thứ quán mẫu nhiệm. Cho nên đối với tạo tác và thọ nhận mà thường thấy ba đức, ba đế của Như Lai. Do đó, Đại sư kết rằng: “Đều là Phật pháp”.

Hai là “Giả-bà v.v...” trở xuống là dẫn Sự để dụ, có ba.

Một là Kỳ-bà dụ cho sự phá chung một cách tự nhiên.

Hai là dùng Ma-nam dụ cho sự sinh thiện tự nhiên.

Ba là dùng Na luật dụ cho làm sáng tỏ về lý một cách tự nhiên. Ba phần này chỉ bày riêng về ba phép quán trải qua tất cả, tự nhiên thường khế hợp với ba pháp mẫu nhiệm. Nói thì có trước sau nhưng chiếu soi thì không có dọc và ngang.

Kế là “Nếu như v.v...” trở xuống là nói về tướng của sự diệt tội. Đã ở nội tâm, lại trải qua cảnh thuộc duyên, thậm khế hợp giữa Đế và quán, tức là đạt được tính chất không có chủ thể của tội và phước trong mười cõi. Toàn thể tánh của việc tu ác, tu thiện tức là tánh ác, tánh thiện. Đó gọi là thấy được thật tướng của tội và Phước. Vì vậy, kinh Pháp Hoa nói: “Đạt sâu tướng tội phước, chiếu soi khắp mười phương”. Mười phương tức là mười cõi. Mười cõi đều là thật tướng. Tướng nào cũng linh động. Một thân nhiếp tất cả. Mỗi một của tất cả đều thân nhiếp đối với tất cả. Các tất cả ấy đều là thật tướng. Vọng tướng đều là thật thì thật cũng tự tiêu mất. Đó chính là sám hối rộng lớn.

Kế là “giúp đạo v.v...” trở xuống là pháp giúp đỡ, có:

Một là nói về dụng giúp cho ý: Tu hai thứ sám là Chính và Trợ thì y theo căn và duyên, tự có một hướng tu tập đối với Chánh đạo bước thẳng lên Trụ của Viên. hoặc nội phạm, ngoại phạm tự có một bề tu tập đối với giúp đạo. Như ngài Nam Nhạc có lập Hữu tướng an lạc hạnh. Vì không đi vào Tam-muội mà chỉ tụng trì nên cũng thấy được sắc thượng diệu. Biểu tượng cho hai thứ ấy, tùy căn mà tu nhập, không giống như lúc ngộ được Lý thì chắc chắn phải xả bỏ cả hai. Tự có chính và trợ bao gồm nhau mà tu thì hoặc là chính trước trợ sau, hoặc trợ trước chính sau, hoặc tu tập đồng thời. Ý của pháp được lập ở hôm nay là tại sự cùng tu. “Nếu đối với ba câu mà đều không nhiếp”, tức là người mà thân trâu.

Hai là “Điều được nói v.v...” trở xuống là nói về pháp giúp đạo, có hai:

Một là Dụ dụng trợ cho ý: Nước trong dụ cho Chính, Tro v.v... dụ cho trợ. Vì cấu bản khó dứt, chỉ có nước thì không thể, có tro đem trợ với nước mới hữu dụng.

Hai là “Nói sơ lược v.v...” trở xuống là chỉ bày về pháp giúp đạo. Trợ vốn là giúp đỡ cho Chính. Cho nên chánh quán không mở bày được là vì bị hoặc thuộc lý che đậy. Vì vậy, hành giả tu tập trợ hạnh để đối trị với màn che của Sự. Nếu màn che của Sự đã dứt thì không nhờ vào hoặc của lý. Vì thế, hành giả làm cho chánh kiến khai mở để nhập vào cửa Lý. Nói đầy đủ về sáu Độ, lược nêu lên sơ lược về ba nghiệp. “Cái sách tấn quán”: hoặc dùng năm pháp để sách tấn đối với chánh quán, cũng giúp sức cho việc mở cửa. hoặc là sách tấn phép quán thuộc Sự. đó là năm môn thiền, mỗi môn đều có đối trị để giúp đỡ cho việc khai mở chánh quán.

Kế là “Nếu thuận v.v...” trở xuống là nói về dụng để giúp đỡ cho công: Chánh giải như thuận dòng nước. Chánh quán như thuận theo gió. Hai hình ảnh ấy ví dụ cho chánh đạo có năng lực hướng về Diệu lý. Cây sào, mái chèo dụ cho điều lành như bố thí v.v... nước giúp cho gió, thì lẽ nào con thuyền lại không đi nhanh?

Kế là “Như vậy v.v...” trở xuống là tổng kết.

Kế là nói về địa vị của sám hối, có:

- Sự giải thích khác bị hạn cục và cạn cợt, có hai:

Một là trình bày về người khác.

Hai là “Đây v.v...” trở xuống là bác bỏ sơ lược.

Kế là “Vì vậy, mới v.v...” trở xuống là sự giải thích của ngày nay có cả cả sâu, lại có:

- Chính là giải thích, có hai:

Một là tạo nghịch: Cúc (nuôi) cũng là dưỡng. Vũ (võ) tức là Võ. Duy duy là vẻ thương con. Trong thì sáu, năm giáo cùng số và tên của phương hướng. Chú thích rằng: “Phương là Đông, Tây”. Sát nghịch. Sát hoặc viết là thí đều cùng âm Thí. Tức là kẻ dưới giết người trên. Dịch nói: “Thần giết vua, con giết cha”. “Trời tuy v.v...” trở xuống là nói trời đất không thể làm ngơ với sự thọ sinh. Vì vậy, phải đọa vào địa ngục. Dùng năm tội nghịch chiêu cảm năm loại Vô gián; có hai: “Phật là v.v...” trở xuống là nói về phá giới thiên đầu bốn trọng, nhóm sau là Cát-la. Nếu nói về năm thiên thì Sơ và hậu đều là Thiên, sáu nhóm thì đầu cuối đều là nhóm. Văn thù dật hiện ra cùng nhau. Vì vậy, Đại sư nói “Sơ Thiên, Hậu Tự”. Ba vị Sư là Hòa thượng và hai A-xà-lê là yết-ma và Giáo thọ. “Bảy vị tăng ấn chứng truyền giới”: Đây là y theo số

lượng mười người thuộc Trung Quốc. “Biển Phật”: Phật pháp như biển. Phạm giới trọng như xác chết. Vườn hoa có thể mở. Nói Phạm trọng tức là phải ra khỏi chúng thanh tịnh.

Hai là “Nặng về sân v.v...” trở xuống là nói về ba đường: Tâm đã nặng về sân v.v... thì động tác của thân, miệng trở thành nghiệp sân. Vì vậy mà đọa làm rắn, rít. Vì nêu gốc để nhiếp ngọn nên nói là nặng về sân”. Nặng về dục v.v... ở dưới là tất cả đều có thể dùng nặng về sân làm lệ chung.

“Rắn. Rắn hổ mang”: Nhĩ Nhã nói: “Rắn độc hổ mang rộng ba phân, đầu to như ngón tay cái”. Quách Phát nói: “Thân rộng ba phân, đầu như ngón tay cái”, đó đều gọi là rắn độc hổ mang. “Siểm”: Trang Tử nói: “Ý ít mà dẫn đến lời nói gọi là Siểm”. “Ngạ quỷ đang đói v.v...” là Nêu sự khó chịu đựng của quả, cần phải sám hối.

Kế là “Trong cõi người v.v...” trở xuống là người và trời, có hai:

Một là Người có “tám thứ khổ”: Sinh, già, bệnh, chết, Oán tắng hội, ái biệt ly, cầu bất đắc và năm ấm lừng lẫy.

Hai là Trời “Năm thứ suy”: Áo quần hôi dơ, hoa trên đầu héo, thân thể hôi bẩn, dưới nách tiết ra chất bẩn, không thích chỗ ngồi cũ. “Bốn thứ tâm”: Tức là Thọ, Tưởng, Hành và Thức. “Cái lồng, cái lồng chim”: Cái lồng chim là bờ rào. Kinh Thi nói: “Lượn lờ con ruồi xanh đậu trên bờ rào”. Nay, chúng sinh ở trong ba cõi như ở trong cái lồng, rào đậu, không thể tự thoát ra được.

Kế là “Khổ ra v.v...” trở xuống là nói bốn thứ giáo đều sám hối, gồm có:

- Ba tạng, có hai:

- Thanh văn, có hai:

Một là bảy bậc hiền. Đầu tiên là năm đình tâm. Đó là bất tịnh dứt Tham, Từ bi dứt sân, Nhân duyên dứt si. Sở tức dứt Giác quán. Giới phương tiện dứt sự chấp ngã. Nếu năm thứ phiền não là tham v.v... ngăn trở tâm, làm cho tâm không được dứt thì hành giả phải sám hối. “dứt v.v...” trở xuống là nối tiếp chữ tâm.

Tiếp theo là bốn niệm xứ: Dùng để đối với đạo phẩm thuộc về Vị. “Bốn diên đảo”: tức là chấp thân là Tịnh, Thọ là Lạc, Tâm là Thường và Pháp có Ngã. Bốn niệm đối trị bốn diên đảo này. “Bốn chánh cần”: Hai điều ác đã sinh thì làm cho chúng diệt, chưa sinh thì làm cho chúng không sinh, hai điều thiện đã khởi thì làm cho chúng tăng trưởng, chưa sinh thì làm cho chúng phát sinh.

Bốn Như ý tức là Dục, Tinh tấn, Tâm, tư duy.

Năm căn là Tín, Tấn, Niệm, Định và Tuệ.

Năm lực: Danh từ giống với Căn, nhưng vì dùng Bất động để dứt Chướng nên chia thành hai khoa. Pháp Hoa Văn Cú dùng bốn khoa là Chánh căn, Như ý túc, Căn và Lực để so sánh với Noãn, Đảnh, Nhẫn và Thế Độ nhất vị. “Noãn, Đảnh khác với ở đây” hoặc là văn nhầm lẫn. hoặc là có ý riêng.

Hai là “Khổ nhẫn v.v...” trở xuống là bốn quả: “Khổ nhẫn nói về Pháp”: Kiến đạo có mười sáu tâm. Đó là bốn đế ở dưới cõi Dục. Mỗi Đế khởi pháp nhẫn, Pháp trí. Bốn đế của hai cõi ở trên là Sắc và Vô sắc. Mỗi đế đều khởi loại nhẫn, loại trí. Tám đế của Thượng và hạ ấy cộng lại là mười sáu tâm, dứt trừ tám mươi tám Sở kiến hoặc. Nay nói khổ nhẫn tức là Khổ pháp nhẫn của cõi Dục, khổ đế trở xuống, nói phát được khổ pháp trí. Quán Khổ đế của cõi Dục rồi thì hành giả quán ngay Khổ đế của cõi trên, đạt được Loại nhẫn trí. Ba đế còn lại theo nói theo lệ chung. “Tuy không v.v...” trở xuống là vì không thấy nên hoặc sinh khởi ngang trái. Vì vậy không đọa vào đường ác. “Bảy lần sinh cõi Dục”: Chín phẩm Tư hoặc thuộc cõi Dục nhuận bảy lần sinh. Đó là, Thượng thượng phẩm nhuận hai lần sinh. Thượng trung, Thượng hạ, Trung thượng, mỗi phẩm nhuận một lần sinh. Đó là nói về Sơ quả. “Tuy dứt dục v.v...” trở xuống là nói về Nhị quả.

Năm hạ phần là Thân kiến, Giới thủ kiến, Nghi, Tham và Sân. Tham tuy chung với Thượng nhưng không chỉ ở thượng. Chỉ một Sân ở hạ không chung với thượng, dù hành giả có dứt tham v.v... cho đến Vô sở hữu xứ nhưng do thân kiến v.v... mà lại quay trở về với cõi Dục. Vì vậy, năm thứ này gọi là hạ phần. Ba phẩm còn lại thọ một đời sống gọi là “Một lần qua lại”. Tuy dứt năm hạ nhưng gọi là người thuộc ba quả hưởng. Còn một phẩm là phẩm thứ chín. Cũng gọi là một hạt giống Na-hàm. “Tuy dứt Sắc v.v...” trở xuống chính là nói về người thuộc ba quả: Chín phẩm đã hết, không đến cõi Dục mà tiến lên dứt Thượng hoặc. “Tuy nhập v.v...” trở xuống là Vô học, hai thứ Bích-chi-phật: Vì chưa thể dứt trừ hết sự xâm nhập của Tập khí nên phải sám hối. Nói “Cũng vậy” là vì theo lệ chung sám hối tập khí của La-hán ở trên. Bồ-tát chưa dứt mà lại ở tại người, trời.

Kế là “Nếu cần v.v...” trở xuống là Thông giữa: Giáo giải thích thể không khác với Chiết Diệt ở trước. Không ngậm chứa Trung đạo là pháp môn Đại thừa. Bậc lợi căn mới thấy nên thuộc hai thứ giáo lý sau. Nay, Đại sư đặt chân ở Nhị thừa và Bồ-tát độn căn để nói về sám hối. “Bích-chi-phật không đạt được văn tự”: Tức là không thể nói pháp để

giáo hóa kẻ khác. Nhưng, Bích-chi-phật có khác nhau giữa Bộ hành và Lâm dụ. Bộ hành đôi khi cũng có thể nói pháp. Nay nói theo Lâm dụ, ngộ một mình, đi một mình dụ như đầu lân một sừng. Vì vậy gọi là Lâm dụ.

Kế là “Thập tín v.v...” trở xuống là Biệt giáo: “Thập tín chỉ có tín”: Tín có công năng tạo ra tâm. Vì nó là Phật tánh “Chứa thể xứng hợp với Lý”: Vì dùng tâm của Phật tánh để tu tập riêng về Không. Vì vậy, khiến cho Thập trụ chứng một cách nghiêng nặng về lý của Không, Thập Hạnh chỉ nêu ra Sự thuộc sự kiến lập; đã cùng hai thứ quán cùng phá và lập lẫn nhau nên chưa thể đi vào Trung. Thập hưởng không nghiêng nặng nhưng chỉ tu chứ chưa chứng. Nhưng, do tiệm tu, lúc bước lên Địa thì đốn chứng. Ở trước tuy sáng tỏ nhưng sau sau vẫn còn bị che chướng. Vì vậy Đại sư nói là “Địa nào cũng có chướng”. Đến Đẳng giác mà vẫn có vị chưa đạt được Vô học”. Cho nên hạng phàm thánh này đều phải sám hối.

Kế là “Lại nữa, mười v.v...” là nói về Viên giáo: Loại căn cơ này đầu tiên giải ngộ được Trung có đủ hai bên, Không và Giả tức trung. Vì vậy, có thể tu chứng ba trí một tâm. “Không nói danh tự và năm phẩm”: Tức là so sánh cao với thấp. Thập tín mà còn sám hối chi giai vị trước đó. “Chỉ là v.v...” trong Pháp Hoa, lúc nói Đà-la-ni, tuy có cả Sơ và hậu nhưng tự vị đạt được. Tướng của sự đạt được ấy rất rõ.

Một là Triền đà-la-ni xoay vẫn theo Giả mà nhập vào Không. Đây ngang với Thất tín.

Hai là trăm, ngàn, muôn, ức Đà-la-ni xoay vẫn theo Không mà ra Giả. Đây là tương đương với Bát tín trở lên.

Ba là Pháp âm phương tiện Đà-la-ni: dùng hai thứ quán làm phương tiện để chuyển nhập vào pháp âm của Trung đạo. Đây là tương đương với Thập tín. “Khuôn, thành quách v.v...”. Ba hình ảnh này dụ cho trí đoạn của Pháp thân, vì đều chưa nghiên cứu đến cùng tận nên đều phải sám hối.

Kế là “Ngang với đây v.v...” trở xuống là bác bỏ hạn cuộc: Vì dưới thì từ gây ra nghiệp Vô gián, trên thì thấu đến Đẳng giác của Viên giáo nên Đại sư nói “Vị dài”. Các vị nói theo chiều ngang, mỗi vị đều có sự khác nhau của tám chướng phiền não, đầu số, kết nghiệp, lưu loại, khổ báo v.v... Vì vậy, Đại sư nói là “Nghĩa rộng”. Vì sao người xưa chỉ hạn cục ở phàm phu?

Kế là “Vì vậy v.v...” trở xuống là dẫn kinh để chứng kết: Đại sư vốn dùng Tam-muội, tổng trì để nói về vị trí sám hối bao gồm cả phàm

và thánh, tự nhiên so sánh tính toán hợp với kinh kia, thật chẳng phải tìm kinh để tạo ra sự sắp bày như thế. Hành giả biết điều ấy.

Kế là “Nếu người v.v...” trở xuống là nêu điều lợi để khuyến tu, có bốn.

Một là nói về sự gieo trồng đời trước của người nghe.

Hai là “Nói v.v...” trở xuống là người nghe đạt được quả báo. “Quả báo”: Sám này đến lý thì công đức đạt đến quả cùng cực, đó là sự cung kính lẫn nhau với chư Phật.

Ba là “Nghe trực tiếp v.v...” trở xuống là nghe hướng chỉ là giải đã xứng với Lý thì tu tập sẽ thành hạnh. Như thế thì quả chứng của Phần, Mãn sẽ không xa.

Bốn là “Đã nghe v.v...” trở xuống kết, nói về sự quy kính. Ân đức của Phật đã như vậy, người muốn báo đền thì chỉ nên đúng theo lời dạy mà tu hành. Quy mạng lễ Phật, một trong năm thứ sám hối. Tại sao lại không tu tập bốn thứ sám hối còn lại.

Tiếp chính là giải thích phẩm đề, như sau:

- Giải thích về nghĩa của hai chữ, có hai:

- Y vào chữ để huấn thích, có hai:

- Giải thích về sám, có hai:

Một là Nói về tìm gương soi.

Hai giải thích về hối, có hai:

Một là nói về chủ thể phước bỏ.

Hai là nói về đối tượng được phước bỏ. “Ý nói là mười điều phước bỏ”: Ý như bậc quân vương. Thân miệng như quan, vua đã khắc kỷ thì quan liền chấm dứt sự bạo ngược. Vì vậy ý bao gồm cả mười.

Kế là “Lại nữa, Pháp v.v....” trở xuống là y theo Pháp môn để giải thích các loại.

Kế là “Sám hối v.v...” trở xuống là nói về ba thứ sám hối, gồm có:

- Nói về ba thứ tướng mạo, có hai:

Một là nêu tên gọi để chỉ bày: là ba loại tên gọi để chỉ bày rằng sự thông cả Đại và Tiểu.

Hai là “Tiểu thừa v.v...” trở xuống là y theo tướng để giải thích, có hai:

Tiếp là nói về tiểu, lại có:

Một là tác pháp: Tỳ-ni, Hán dịch là Luật. “Hai mươi Tăng”: đây là y theo sự Sám hối tội Tăng tàn. Nhưng đối trị có bốn pháp.

Tiếp theo là trị sai lầm thuộc tình của che giấu, đó là thực hành

Ba-lợi-bà-sa, Hán dịch là Phú tàng. Hoặc dịch là Biệt trụ, tức là ở riêng một phòng, không được ở chung một chỗ với Tăng. Dù có vào trong Tăng chúng cũng không được bàn luận và không được đáp. Thực hành pháp này phải đủ một trăm ngày. Vì không nhớ số ngày đầu tiên của Phú tàng nên bàn một trăm ngày làm kỳ hạn.

Hai là trị tội Phú tàng: đó là phạm rồi che giấu thì mắc tội Đột-cát-la, không che giấu thì phạm tội tăng tàn. Nếu người che giấu trước sám hối tội Đột-cát-la, sau đó cho ở riêng.

Kế là trị Tăng tàn tình quá tội: tức là thực hành Ma-na-đỏa trong sáu đêm. Ma-na-đỏa, Hán dịch là ý hỉ, trước tuy là tự ý hoan hỷ nhưng cũng làm cho chúng tăng vui mừng. Do niềm vui ở trước nên cùng ít ngày tức là sáu đêm, nên gọi là ý hỉ. Tăng chúng khen rằng “Người này sửa đổi thành thanh tịnh”, cho nên nói “Chúng tăng hoan hỷ”.

Kế là trị Tăng tàn: tức là ở trong hai mươi vị tăng mà bạch bốn lần yết-ma nêu tội ra. Nhưng, che giấu không nói về tướng mà thực hành ngay về Ma-na-đỏa, sau đó mới đi vào chúng để nêu tội ra. “hoặc nửa tháng tác pháp”: tức là lúc đang thực hành biệt trụ. Mỗi lúc gặp kỳ nửa tháng thuyết giới thì người ấy phải bạch với Tăng chúng rằng: “Tôi phạm Tăng tàn”. “Đối thú tác pháp”: Tức là sám hối tội Đột-cát-la nặng. Trách tâm tức là sám hối tội Đột-cát-la nhẹ. Luận Ma-di nói: “Cố ý làm thì đối thú nói một lời, lỡ làm thì trách tâm mà hối lỗi”. Tiểu thừa phạm Ma-di cũng có sám pháp. Sở dĩ sơ văn không dẫn ra là vì sám rồi đã là Sa-di học hối nhưng vẫn chứng quả Thánh. Vì thế, chẳng phải là nghĩa của khôi phục sự thanh tịnh căn bản ở trong đây. Do đó Đại sư Kinh Khê nói: “Tiểu thừa học hối rồi nhưng vẫn chứng quả thánh, tội nặng chưa mất”.

Kế là “A-hàm v.v...” trở xuống là chấp tướng: Trên là nói Tác pháp chỉ làm cho ba nghiệp thuận với chế pháp của Phật, pháp thành thì tội diệt, nếu là tán tâm tội diệt cũng còn cạn thấp. Nay nói chấp tướng thuộc về định tâm. Tướng thành tướng khởi, diệt tội thì sâu. Vì vậy, tướng miệng rắn thành thì lẽ nào chỉ có tội dâm được diệt trừ? Ngay cả dâm dục cũng không sinh khởi.

Kế là “cũng có v.v...” trở xuống là vô sinh, “nói về quán không”: tức là chia chẻ pháp để làm sáng tỏ không. Quán tâm tạo tội vốn không có chủ thể. Niệm niệm vô thường, không có ai là năng tác, không có nghiệp báo ấy. Nếu ngã kiến tiêu vong thì các sử sẽ vắng lặng hẳn. Nếu thành tựu được phép quán này thì dứt được bốn đường và ra khỏi ba cõi. Tướng của ba phép sám của Tiểu thừa giản lược hơn.

Kế là nói về Đại thừa, có ba.

Một là tác pháp.

Hai là chấp tướng.

Ba là vô sinh. Hành giả nên biết rằng Vô sinh là chủ đích của ba thứ sáu và hai thứ kia là trợ duyên. Vì vậy, số trước nói: “Nước tro, cỏ đen giúp cho nước trong”. Nếu thiếu phép quán siêu việt thì không gọi là Đại thừa mà giống như khổ hạnh chẳng lợi ích gì đồng như ngoại đạo. Hành giả phải gần gũi với thầy tốt để học về nơi sám hối” và “Pháp sám hối” mới thực hành được sự nghi Đạo tràng. Vì thế, đối với các sự, hành giả đều phải dùng phép quán siêu việt để chiếu soi mà dẫn dắt khiến cho tác pháp v.v... đều thuận với thật lý, đều là các nhân của Phật. Có vị cho rằng hành pháp được tu tập bởi đạo tràng nhưng thuộc về trị sự. Hành giả phải đối với mười thừa, trước tu tập sáu pháp, sau mới giúp khai mở. Tuy nói vậy nhưng vị ấy chẳng biết rằng sáu phép trước là để dùng trong đạo tràng. Như nay nói về sám có bàn luận đầy đủ ba loại thì lẽ nào lại bỏ sự thực hành thuộc sự ư? Lại nữa, có một quyển Pháp Hoa Tam-muội lưu hành riêng ở đời. Đại sư xếp đó chính là pháp sám hối tội chướng đạo của người sơ tâm, nhờ đó mới tu các thứ Tam-muội. Lại nữa, cánh cửa của các khổ hạnh tịnh tiến đều tùy theo sự ưa thích, hàng sơ tâm có thể tu. Nhưng vấn đề là phải dùng Vô minh quán của Viên làm chủ, kèm người dẫn dắt khiến cho mỗi hạnh đều ngay tu là tánh, không tu không đắc. Được thế thì thành công hạnh của Viên. Lẽ nào các sự hành, Diệu quán, Diệu cảnh, Diệu tu, Phát đại tâm, An tâm v.v... đều là sự tu tập siêu việt ư? Nếu quả như vậy thì trong tùy tự ý trải qua ba tánh kia hoàn toàn không có mười Thừa, làm sao gọi là Tam-muội. Nếu tự mình chưa am hiểu thì nên y theo sự khai mở, dẫn dắt và sách tấn tu tập của bạn lành mới thành tựu lợi ích sâu xa. Lại nữa, chúng ta phải hiểu rõ trong loại sám của Đại thừa thì một loại cuối cùng tuy có thể tu đơn độc. nhưng nếu không có sự tiến bộ thì hành giả phải mượn hai thứ trước. Hai thứ trước không thể tạm lìa loại Vô sinh. Đạt được ý ấy mới nói và thực hành ba loại sám pháp được. Tác pháp đầu tiên, “Tám trăm v.v... kinh Hư Không Tạng nói người biết pháp lại bảo quét dọn nhà xí tám trăm ngày. Ngày nào cũng nói với họ rằng “Người làm việc bất tịnh. Một lòng chùi rửa tất cả các nhà xí, chớ cho người khác biết. Sau khi lau chùi xong, tắm rửa rồi lạy ba mươi lăm Đức Phật, xưng danh Hư Không Tạng. Hường về mười hai bộ kinh mà gieo năm vốc sát đất, tự nói tội lỗi v.v...” “chín mươi ngày v.v...” kinh Bát Chu nói” “Có bốn điều kiện mau được ba thứ Tam-muội này”.

Một là không được có tư tưởng thế gian, như tướng chỉ ngón tay, trong khoảng khắc mà đã ba tháng.

Hai là không được nằm trong suốt ba tháng, như khoảng khắc chỉ ngón tay quện vào nhau.

Ba là kinh hành không được dừng nghỉ, không được ngồi trong ba tháng, trừ thời gian ăn uống.

Bốn là nói kinh cho người nghe không mong được áo quần, thức ăn uống của người. Đó là bốn điều kiện? Bát-chu, Hán dịch là Phật lập. Lúc Tam-muội thành tựu, hành giả thấy chư Phật khắp mười phương đứng ở trong hư không, nên gọi là Phật lập. “Tro, nước sôi v.v...” trở xuống là nói mỗi hành pháp ở trên đều làm sạch ba nghiệp. “Xoay vần tụng v.v...” trở xuống là mỗi pháp trong các pháp đều so hạn lượng của chế độ triển tụng, phương đẳng là cần thiết nhất. Xoay vần một trăm hai mươi vòng tụng đăn, trì chú một trăm hai mươi biến. Một triển là một chú, không chậm không nhanh. Triển xong liền ngồi để suy nghĩ về chính không của Trung đạo. Vì dẫn dắt nghi quỹ này nên gọi là Tác pháp.

Kế là “chấp tướng mười hai mộng vua”: Phương đẳng Đà-la-ni nói: Trước là cầu mộng lành, gồm mười hai thứ. Hễ được một tướng thì cho phép sám hối”. Kinh Phạm Võng nói: “Nếu phạm mười cõi, lúc thấy hoa v.v... là liền được diệt tội. “Xương âm thanh v.v...” trở xuống là kinh kia nói hành giả ở trong mộng nếu ngồi thiền mà hiện ra Bồ-tát này, dùng ấn Ma-ni mà ấn vào cánh tay của hành giả tạo thành chữ diệt tội; hoặc nghe âm thanh diệt tội. Nếu khởi được tướng ấy thì biết chắc chắn tội sẽ diệt”. “Tuy không v.v...” trở xuống là vì tại đạo tràng chẳng phải không tác pháp. Đều từ ưu thắng mà lập danh là chấp tướng. “Nói sự dụng”: Tức là tác pháp.

Kế là vô sinh: dùng niệm của Vô niệm mà niệm thật tướng của tội, chủ thể và đối tượng của niệm khác nhau về danh từ đối với thật tướng. Thật tướng của tội chủ thể và đối tượng của niệm và thật tướng khác nhau về danh từ nhưng thể vốn không hai. Tướng như vậy, tội tướng của niệm đã mất thì thật tướng cũng không còn. Thứ tuệ này như mặt trời làm tiêu tan sương mù tội lỗi. Duyên của vô duyên, rốt ráo là không, chẳng có tướng của Trung và biên. Lý này không sai lầm nên gọi là tối thượng v.v... “Tuy không v.v...” trở xuống là ba thứ này tu tập đồng thời. Vì vô sinh là chính, hai thứ kia là trợ duyên nên đại sư nói là: “gồm cả hai”. Nay thì cổ chính và trợ đều hợp nhất mà thực hành. Như cao thì càng sáng nên việc Ứng lý lại càng nhanh.

Kế là “Tác pháp v.v...” trở xuống là nói về ba thứ công năng, gồm có:

- Chỉ bày về công năng, có hai:
- Nói về dứt ác, có hai:

Một là bốn phen thông với với Tiểu để giải thích: Nói thông với Tiểu là vì dùng bốn phen này để giải thích ba thứ sám. Ý là ở Đại nhưng lại chưa làm rõ về tướng khác với Tiểu. Vì vậy, khiến cho lời nói về sự dứt ác ở Đại và Tiểu đều không trở ngại nhau. Vì thế, Đại sư nói là “Thông với Tiểu. Trong bốn phen ấy, đầu tiên là y theo Tánh già để giải thích, có ba.

Một là Tác pháp, Vô tác tội: Thuở xưa, lúc nhận giới của Phật, nhờ tác pháp nên phát khởi được thể của Vô tác. Nếu hủy phạm thì mắc ba tội trái nghiệp. Nay nhờ tác pháp mà được phá tội này. Nói tánh tội tức là nói về mười điều ác, bất luận là nhận hay không nhận, tánh của Phạm tự nó là tội. Như Phạm v.v... trở xuống là nói: “Chặt cây lớn, giết súc vật. Hai thứ tội trái với chế định đều đã dứt nhưng việc giết súc vật thì phải thường mạng thì vẫn còn.

Hai là chấp tướng: Do đó định tâm tưởng thành tướng thù thắng, năng lực huân tu mạnh nên có năng lực chuyển đổi nghiệp ác. Vì vậy nên diệt được hai tội Tánh và Già. “Như chặt v.v...” trở xuống: Cành, lá dụ cho tội Tánh già. Rễ gốc dụ cho Vô minh. hoặc của tâm còn thì có thể tạo tội lại như sự tiếp tục sinh ra của cành và lá. Vì đối với già và tánh mà giải thích Vô minh, nên loại Vô minh này có cả ở giới nội và giới ngoại. Đây là tướng thông với Tiểu.

Ba là Vô sinh.

Kế là “Lại nữa v.v...” trở xuống là y theo ba học để giải thích. Vì Tác pháp đề phòng sai quấy nên là tội diệt Giới. Vì chấp tướng chuyên ý nên là tội diệt Định. Vì Vô sinh quán chiếu nên là tội diệt Tuệ. Sự Sai lầm là tội của Giới gia. Tán loạn là tội của Định gia. Sự tầm tối của hoặc là tội của Tuệ gia.

Kế là “Lại làm v.v...” trở xuống là do pháp mà đạt được. Vì vậy, Tác pháp có thể trừ. Quả báo của đường người nửa khổ nửa vui. Vì sự chiêu cảm điều lành nên chấp tướng có thể diệt. Quả báo của thời thuộc ba cõi so với nhân đều là Định, không có khổ, chỉ có vui; Vì sự cảm vởi của ba thứ lậu nên vô sinh có thể diệt.

Kế tiếp là “Lại nữa v.v...” trở xuống là giải thích về trừ ba nghiệp: Theo lệ chung của quả báo là nhận biết được chủ thể cảm và đối tượng được cảm mà chia ra hai sự giải thích.

Kế là “Lại làm v.v...” trở xuống là hai phen chỉ giải thích về Đại: Bốn phen giải thích trước là có cả cả Đại và Tiểu thừa. Vô sinh dứt trừ hoặc thì chưa giản lược về chung và riêng. Tác pháp hoặc chấp là sự chế định của Tỳ-ni.

Kế là giải thích về Vô minh trong phá chương của vô sinh. hoặc chung bất sinh là chấp tướng của ngày nay. Qua đó, chúng ta xét biết rằng ở đây chỉ đặt chân ở Đại thừa để giải thích, có hai.

Một là giải thích về phiền não của biệt: Sợ hãi thuộc về Tư, lo buồn thuộc về kiến. Nay tác pháp thành tựu, thì giai vị năm phẩm có khả năng chế phục loại hoặc này. Vì chỉ có chế phục mà gọi là phá nên nói “Cũng là” chấp tướng sáu thành ở giai vị Thất Tín. Vì vậy diệt bốn trụ, vì đã thấy Chân-đế. So với Trung gọi là tướng nên gọi là chấp tướng. Quán vô sinh thành thì giai vị là bước lên sơ trụ. Đối tượng được trụ là ở vô minh căn bản. Vì vậy, chúng ta biết rằng sự giải thích này là đặt chân riêng vào Đại thừa để làm sáng tỏ về ba thứ sám.

Hai là “Lại nữa, ba v.v...” trở xuống là có cả cả ba thứ chương để giải thích “Cùng trừ quả báo”: Đó là quả báo hiện tại, sinh thân của cha mẹ đạt được sáu căn thanh tịnh. Chuyển báo thật sự ở tại sự phối hợp giữa Chánh và trợ để thực hành. Nếu chỉ lý quán thì tuy đi vào Chân và Tựa nhưng cũng có vị không có được sáu căn thanh tịnh. Cho nên nói “Ba thứ sám cùng trừ chương của quả báo. “chấp tướng trừ nghiệp”: Tức là y theo “Ra khỏi Giả mà nói. Có thể dùng vô lượng nghiệp chủng của đời trước làm duyên độ sinh mà nghiệp không thể ngăn vướng, tự đại đối với nghiệp gọi là trừ nghiệp chương. Vì chưa thật sự ra khỏi giai vị Giả nên thấy Tục đế vẫn còn gọi là chấp tướng. Nghĩa của Vô sinh dứt hoặc rất dễ hiểu.

Kế là “Lại làm v.v...” trở xuống là nói về sinh thiện: “Vấn y theo dụ để làm sáng tỏ năm loại đá”: Đó là bạch anh, Tứ anh, Thạch cao, Chung nhũ, thạch chỉ.

Năm chi là cỗ Linh Chi năm màu. Gừng và Quế còn dụ cho cho tác pháp của Tiểu thừa nên chưa sinh thiện. Nếu là tác pháp của Đại thừa thì sinh thiện quả là không ít. Năm loại đá và năm chi là dụ có cả sự sinh thiện thuộc về cả sự và lý của Đại và Tiểu.

Kế là “Như vậy v.v...” trở xuống là khuyên người tu học: Nói phải biết tức là nói người học phải biết Tiểu và Đại đều có công năng dứt ác, sinh thiện, phải biết tu cả ba thứ ấy mới được lợi ích. Nếu chỉ nói mà không tu là có tội.

Kế là “Văn nay v.v...” trở xuống là nói rằng kinh có ba thứ sám,

có hai:

Một là chỉ bày kinh có ba đoạn văn. Hai là kết rằng
sám là dụng của kinh.

